

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HÒA BÌNH**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

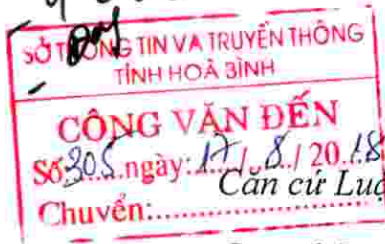
Số: **29** /2018/QĐ-UBND

Hòa Bình, ngày **16** tháng 8 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ  
hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành  
và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**



*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;*

*Căn cứ Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 1909 /TTr-SNV ngày 08 tháng 8 năm 2018.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2018 và thay thế Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc ban hành Quy chế đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

**Điều 3.** Giám đốc các Sở, Thủ trưởng Ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./↓

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Ban Đảng thuộc Tỉnh ủy;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, NC (V70b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**

## QUY CHẾ

**Đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 29 /2018/QĐ-UBND ngày 16/8/2018 của UBND tỉnh Hòa Bình)

### Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh

Quy chế này quy định tiêu chí, trình tự đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp (sau đây gọi chung là Sở, Ban, ngành) và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

#### Điều 2. Mục đích đánh giá

1. Thông qua đánh giá, giúp các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố phát huy những mặt ưu điểm, tích cực, khắc phục những mặt còn hạn chế, yếu kém; nâng cao tinh thần trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước theo quy định tại Nghị định 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005, Nghị định 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 của Chính phủ.

3. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố là căn cứ để bình xét thi đua, khen thưởng trong các Cụm, Khối thi đua và đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với người đứng đầu từng cơ quan, đơn vị.

#### Điều 3. Nguyên tắc đánh giá

1. Việc chấm điểm, đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố bảo đảm khách quan, dân chủ, công bằng và công khai.

2. Các cơ quan, đơn vị khi tiến hành tự chấm điểm, đánh giá, xếp loại theo các nội dung của Quy chế này phải tự giác, trung thực, có trách nhiệm cung cấp thông tin và giải trình đầy đủ những nội dung mà Tổ công tác giúp việc Hội đồng đánh giá của tỉnh yêu cầu. Không công nhận kết quả tự chấm điểm thiếu trung thực hoặc không có tài liệu, hồ sơ chứng minh kết quả đạt được.

3. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố được thông báo công khai bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

## Chương II

### TIÊU CHÍ, CÁCH CHẤM ĐIỂM, ĐÁNH GIÁ VÀ XẾP LOẠI MỨC ĐỘ HOÀN THÀNH NHIỆM VỤ

**Điều 4. Tiêu chí đánh giá đối với các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố**

#### 1. Nhiệm vụ trọng tâm

Đánh giá kết quả thực hiện 02 nhiệm vụ trọng tâm hàng năm do các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố đăng ký và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Mỗi nhiệm vụ trọng tâm phải có ít nhất 03 chỉ tiêu hoặc nội dung công việc trở lên.

##### 1.1. Nhiệm vụ trọng tâm của các Sở, Ban, ngành

Là những nhiệm vụ và giải pháp có tính quan trọng, đột phá nhất trong năm, nhằm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

##### 1.2. Nhiệm vụ trọng tâm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Nhiệm vụ thứ nhất: Hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, dự toán thu ngân sách được giao hàng năm theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh và Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện, thành phố.

b) Nhiệm vụ thứ hai: Là những nhiệm vụ, giải pháp có tính quan trọng, đột phá nhất trong năm, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội.

##### 1.3. Đăng ký nhiệm vụ trọng tâm

a) Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ của tỉnh, các Chương trình, Quy hoạch, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các văn bản chỉ đạo của tỉnh, ngành dọc cấp trên và tình hình thực tiễn của ngành, địa phương. Các cơ quan, đơn vị họp thống nhất trong tập thể cấp uỷ, lãnh đạo để xây dựng 02 nhiệm vụ trọng tâm theo quy định tại điểm 1.1 và điểm 1.2, khoản 1, điều này, gửi Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp trước ngày 30 tháng 01 hàng năm trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

b) Đối với những nhiệm vụ mới của các Sở, Ban, ngành (chưa có chủ trương, chưa được cấp trên giao bằng văn bản), nếu đăng ký thực hiện trong năm thì phải báo cáo xin ý kiến Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, chỉ đạo Sở, ngành mình trước khi gửi Sở Nội vụ tổng hợp.

c) Không đăng ký những nội dung công việc mang tính hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên trong nội bộ cơ quan, đơn vị hoặc trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành, địa phương.

#### 1.4. Điều chỉnh nhiệm vụ trọng tâm

a) Việc điều chỉnh nhiệm vụ trọng tâm phải được thực hiện trước thời điểm hoàn thành đã được phê duyệt và trước ngày 30/6 hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các cơ quan, đơn vị gửi Sở Nội vụ thẩm định, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Trường hợp đặc biệt, đối với những nhiệm vụ được giao hoàn thành sau ngày 30/6 hàng năm nhưng chưa thực hiện được do yêu cầu của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương hoặc của yêu cầu của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thì cơ quan, đơn vị được đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, Quyết định điều chỉnh nhưng phải trước thời điểm hoàn thành và trước ngày 30/9 hàng năm.

#### 2. Nhiệm vụ chung

Đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ chung sau đây:

##### 2.1. Nhiệm vụ chung của các Sở, Ban, ngành

a) Chất lượng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành.

Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tham mưu, đề xuất với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng quy định, có tính khả thi.

b) Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.

Chỉ đạo, điều hành thực hiện kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản.

c) Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Tập thể lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Quy chế, Quy định trong hoạt động của cơ quan; Chương trình, Kế hoạch công tác năm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Thực hiện đúng các quy định về công tác cán bộ thuộc quyền quản lý; cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị giữ gìn đoàn kết nội bộ, không vi phạm các quy định của Đảng, nhà nước, không bị cơ quan có thẩm quyền Quyết định kỷ luật. Thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ.

Tổ chức tiếp công dân đúng quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.

d) Kết quả cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, phấn đấu nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.

## 2.2. Nhiệm vụ chung của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

a) Kết quả chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn.

Chấp hành nghiêm chỉnh, kịp thời và sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm và dứt điểm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm; kịp thời xử lý, khoanh vùng điểm dịch bệnh không để lây lan.

b) Thực hiện các quy định của Đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

Quy định tại tiết c, điểm 2.1, khoản 2, điều này. Không để tình trạng đơn thư kéo dài, vượt cấp, khiếu kiện đông người.

c) Kết quả cải cách hành chính của đơn vị

Quy định tại tiết d, điểm 2.1, khoản 2, điều này.

### **Điều 5. Cách chấm điểm**

1. Hoàn thành các nhiệm vụ quy định tại điều 4 của Quy chế này, đạt 800 điểm.

1.1. Đối với các nhiệm vụ quy định tại khoản 1, điều 4 của Quy chế này.

a) Một nhiệm vụ trọng tâm của Sở, Ban, ngành nếu hoàn thành, đạt 150 điểm. Ở cấp huyện, nhiệm vụ trọng tâm thứ nhất nếu hoàn thành, đạt 300 điểm; nhiệm vụ trọng tâm thứ hai nếu hoàn thành, đạt 100 điểm.

b) Điểm của một tiêu chí, nội dung công việc bằng điểm của một nhiệm vụ trọng tâm chia tổng các chỉ tiêu, nội dung công việc.

1.2. Đối với nhiệm vụ chung quy định tại khoản 2, điều 4 của Quy chế này.

a) Các nhiệm vụ quy định tại tiết a, b, c, điểm 2.1 và tiết a, b, điểm 2.2, khoản 2, điều 4 của Quy chế này: Mỗi nhiệm vụ hoàn thành đạt 100 điểm;

b) Các nhiệm vụ quy định tại tiết d điểm 2.1 và tiết c, điểm 2.2, khoản 2, điều 4 của Quy chế này: Tối đa đạt 200 điểm.

2. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấm 200 điểm đối với các nội dung sau:

2.1. Hiệu quả quản lý nhà nước đối với ngành, lĩnh vực được giao: Tối đa 100 điểm.

2.2. Chất lượng thực hiện các nhiệm vụ được Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao: Tối đa 100 điểm.

2.3. Điểm đạt được của một cơ quan, đơn vị là trung bình cộng điểm chấm của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Cách tính điểm cộng, điểm trừ chi tiết tại phụ lục kèm theo Quy chế này. Điểm trừ của một nhiệm vụ chung không quá điểm hoàn thành của nhiệm vụ chung đó.

### **Điều 6. Quy trình, thời gian đánh giá**

1. Các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố tiến hành họp và tự đánh giá, chấm điểm, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị mình theo các tiêu chí quy định tại điều 4, điều 5 của Quy chế này, sau đó gửi Hồ sơ đến Sở Nội vụ trước ngày 10 tháng 12 hàng năm để thẩm định, tổng hợp.

2. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh chấm điểm đối với các nội dung quy định tại khoản 2, điều 5 của Quy chế này.

3. Sở Nội vụ thẩm định, tổng hợp điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; bao gồm cả điểm chấm của Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Tổ công tác giúp việc Hội đồng đánh giá kiểm tra, rà soát kết quả thẩm định, tổng hợp do Sở Nội vụ thực hiện và báo cáo Hội đồng đánh giá.

5. Hội đồng đánh giá họp, xem xét, cho ý kiến và Quyết định xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

6. Thời gian họp Hội đồng đánh giá: Trước ngày 05 tháng 01 của năm kế tiếp năm đánh giá.

### **Điều 7. Hồ sơ tự đánh giá**

1. Báo cáo diễn giải kết quả tự đánh giá, chấm điểm mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị (nêu rõ lý do hoàn thành hoặc chưa hoàn thành từng nhiệm vụ).

2. Tài liệu chứng minh kết quả tự đánh giá, chấm điểm.

### **Điều 8. Xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ**

1. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, tổng số điểm từ 950 điểm trở lên;

2. Hoàn thành tốt nhiệm vụ, tổng số điểm từ 850 điểm đến dưới 950 điểm;

3. Hoàn thành nhiệm vụ, tổng số điểm từ 750 điểm đến dưới 850 điểm;

4. Không hoàn thành nhiệm vụ, tổng số điểm dưới 750 điểm.

5. Kết quả xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ được sắp xếp theo thứ tự từ cao đến thấp và chia làm 02 khối: Khối các Sở, Ban, ngành và khối Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

6. Trường hợp các cơ quan, đơn vị có số điểm bằng nhau, cơ quan nào có số điểm của nhiệm vụ chung cao hơn thì cơ quan, đơn vị đó được sắp xếp thứ tự cao hơn; nếu số điểm của nhiệm vụ chung cũng bằng nhau thì Hội đồng đánh giá tiến hành bỏ phiếu kín để sắp xếp theo thứ tự từ cao đến thấp; nếu kết quả kiểm phiếu vẫn bằng nhau thì việc sắp xếp thứ tự do Chủ tịch Hội đồng quyết định.

7. Những cơ quan, đơn vị không thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ được giao để xảy ra những vụ việc từ nghiêm trọng trở lên thì Hội đồng đánh giá xem

xét, quyết định hạ mức độ xếp loại hoàn thành nhiệm vụ. Mức độ hoàn thành nhiệm vụ và điểm số tương ứng do Hội đồng đánh giá quyết định.

### **Điều 9. Thành lập Hội đồng đánh giá**

Hội đồng đánh giá do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập, thành phần gồm có:

1. Chủ tịch Hội đồng: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
2. Phó Chủ tịch Hội đồng: Các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.
3. Thư ký Hội đồng: Phó Giám đốc Sở Nội vụ.
4. Các ủy viên Hội đồng:

Giám đốc Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính; Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh.

5. Mời Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Chủ tịch Liên đoàn Lao động tỉnh tham gia Hội đồng.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng đánh giá do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định.

### **Điều 10. Thành lập Tổ công tác giúp việc Hội đồng đánh giá**

Tổ công tác giúp việc Hội đồng đánh giá (gọi tắt là Tổ công tác) do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định thành lập, thành phần gồm có:

1. Tổ trưởng: Phó Giám đốc Sở Nội vụ.
2. Các Ủy viên: Lãnh đạo và Trưởng phòng có liên quan của các Sở, ngành: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Tài chính, Thanh tra tỉnh.
3. Thư ký: Trưởng phòng của Sở Nội vụ.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ công tác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 11. Trách nhiệm của các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan**

1. Căn cứ các quy định của Quy chế này và tình hình thực tế của ngành, địa phương, các Sở, Ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố xây dựng, ban hành Quy chế, tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc, các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý và gửi kết quả đánh giá về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Các Sở: Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp, Tài chính, Y tế, Tài nguyên và Môi trường, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra tỉnh và các cơ quan khác có liên quan chịu trách nhiệm tổng hợp,



cung cấp các thông tin có liên quan gửi về Sở Nội vụ trước ngày 05 tháng 12 hàng năm để làm căn cứ thẩm định hồ sơ tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị.

### **Điều 12. Trách nhiệm của Sở Nội vụ**

1. Là cơ quan Thường trực, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Quy chế này.

2. Thẩm định hồ sơ đăng ký nhiệm vụ trọng tâm hàng năm của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và tổng hợp, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

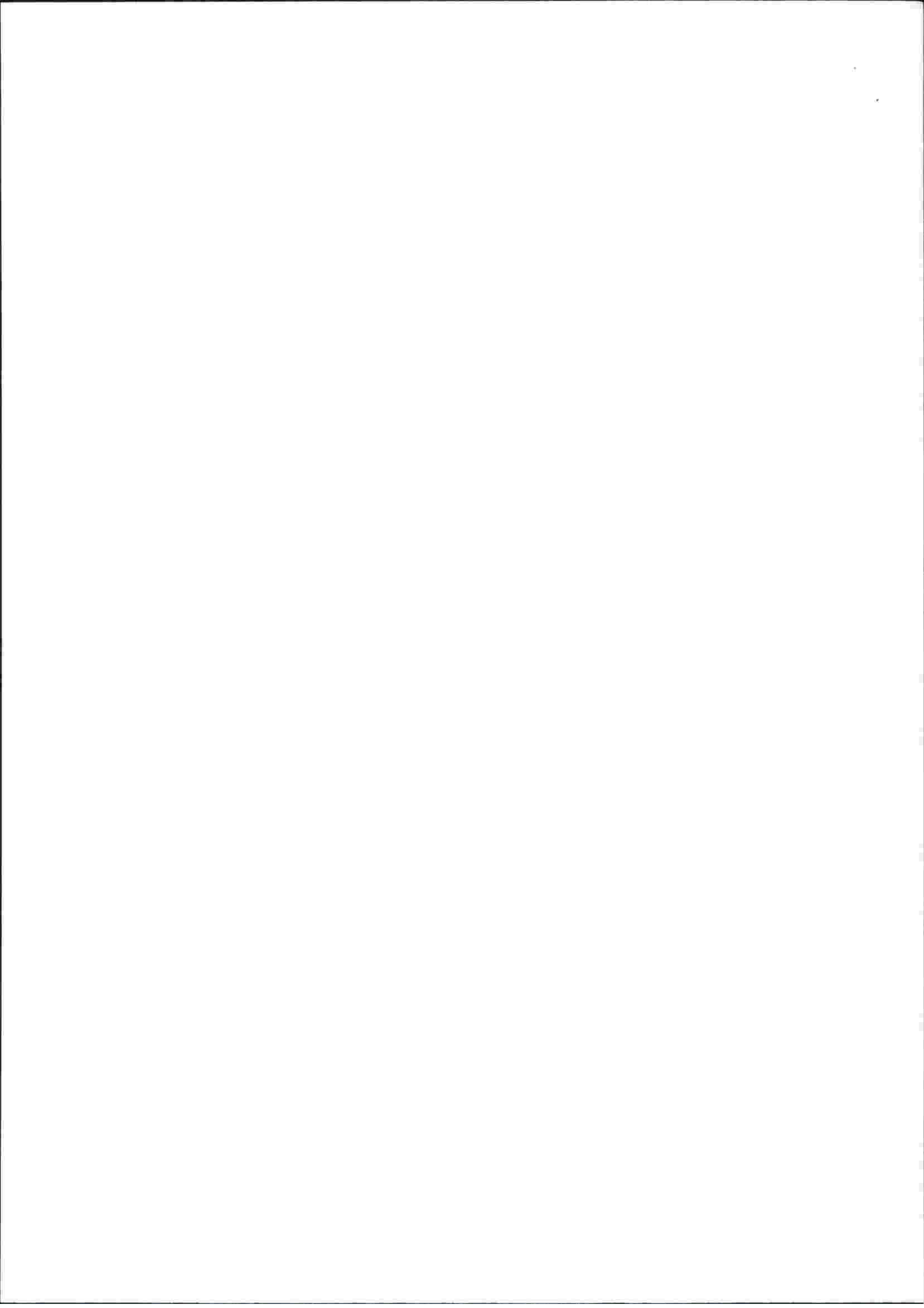
3. Hướng dẫn các Cụm, Khối thi đua xây dựng Quy chế hoạt động, tiêu chí thi đua đảm bảo phù hợp với các quy định của Quy chế này, nhằm đảm bảo tính thống nhất, khách quan, công bằng trong việc bình xét thi đua, khen thưởng hàng năm.

4. Theo dõi, tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị, đề xuất của các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này; kịp thời tham mưu, trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung./

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Quang**



## PHỤ LỤC

Cách tính điểm các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với các Sở, Ban, ngành

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ		
<b>I. Nhiệm vụ trọng tâm (gồm 02 nhiệm vụ, mỗi nhiệm vụ hoàn thành tính 150 điểm)</b>	300	<b>1. Những chỉ tiêu định lượng</b>				
			- Hoàn thành vượt kế hoạch	02 điểm/01% vượt kế hoạch (Không quá 10 điểm/01 chỉ tiêu)		
			- Hoàn thành từ 98% đến dưới 100% kế hoạch		10% số điểm	
			- Hoàn thành từ 95% đến dưới 98% kế hoạch		20% số điểm	
			- Hoàn thành từ 70% đến dưới 95% kế hoạch		40% số điểm	
			- Hoàn thành từ 50% đến dưới 70% kế hoạch		80% số điểm	
			- Hoàn thành dưới 50% kế hoạch		Không chấm điểm	
			<b>2. Những chỉ tiêu định tính</b>			
				- Hoàn thành trước thời hạn	5 điểm	
				- Hoàn thành trong năm nhưng không đúng thời hạn		50% số điểm
		- Không hoàn thành trong năm	Không chấm điểm			
<b>II. Nhiệm vụ chung</b>	500					
<b>I. Chất lượng các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tham mưu, đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành.</b> Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật tham mưu, đề xuất với Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao đảm bảo đúng quy định, có tính khả thi.	100	Tham mưu ban hành văn bản trái quy định phải bãi bỏ.  Văn bản tham mưu trình cấp có thẩm quyền ban hành nhưng không đảm bảo quy trình hoặc thiếu tính khả thi.		Không chấm điểm cả nhiệm vụ này  20 điểm/01 văn bản (nếu lỗi do cơ quan thẩm định hoặc tổng hợp, trình phê duyệt thì trừ điểm của cơ quan đó)		

<p><b>2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước.</b>          Chỉ đạo, điều hành thực hiện kịp thời, có hiệu quả nhiệm vụ quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp, chế độ thông tin, báo cáo; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản.</p>	<p>Kết quả giải quyết các công việc được giao trong năm đánh giá (ngoài 02 nhiệm vụ trọng tâm đã được phê duyệt; theo Báo cáo của Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không hoàn thành trong năm</li> <li>- Hoàn thành trong năm nhưng quá thời hạn</li> <li>+ Tổng số được giao dưới 200 nhiệm vụ</li> <li>+ Tổng số được giao từ 200 đến dưới 900 nhiệm vụ</li> <li>+ Tổng số được giao từ 900 nhiệm vụ trở lên</li> <li>+ Đối với những nhiệm vụ do thời hạn giao quá gấp hoặc do nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành đúng thời hạn; nếu cơ quan, đơn vị đã có văn bản giải trình và được Tổ công tác của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xác nhận thì không trừ điểm</li> <li>Không chủ động giải quyết dứt điểm hoặc tham mưu giải quyết dứt điểm các vụ việc thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực được giao, để xảy ra hậu quả, gây dư luận xấu, bức xúc trong xã hội</li> <li>Từ chối phối hợp hoặc không có ý kiến phúc đáp các cơ quan, đơn vị có đề nghị phối hợp đúng với các quy định của pháp luật.</li> <li>Có ý kiến phúc đáp nhưng quá thời hạn, làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị đề nghị phối hợp</li> <li>Chấp hành chế độ thông tin báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh không đúng quy định</li> <li>Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản</li> <li>Ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cấp có thẩm quyền</li> </ul>
100	<p>20 điểm/01 nhiệm vụ</p> <p>20 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn</p> <p>Thêm 50 nhiệm vụ thì giảm 01 điểm trừ/01% nhiệm vụ quá hạn</p> <p>05 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn</p> <p>30 điểm/01 vụ việc</p> <p>10 điểm/01 lần</p> <p>05 điểm/01 lần</p> <p>Chậm thời hạn: 05 điểm/01 báo cáo;          Không có báo cáo: 10 điểm/01 báo cáo.</p> <p>15 điểm/01 lần</p> <p>20 điểm/01 văn bản</p>

**3. Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.**

Tập thể lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Quy chế, Quy định trong hoạt động của cơ quan; Chương trình, Kế hoạch công tác năm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Thực hiện đúng các quy định về công tác cán bộ thuộc quyền quản lý; cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị giữ gìn đoàn kết nội bộ, không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, không bị cơ quan có thẩm quyền Quyết định kỷ luật. Thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ.

Tổ chức tiếp công dân đúng quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.

100

Chưa ban hành đầy đủ Chương trình, kế hoạch công tác năm, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế chỉ tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; Chương trình, Kế hoạch phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí		10 điểm/01 văn bản
Tập thể lãnh đạo mất đoàn kết, không thực hiện Quy chế dân chủ		Không chấm điểm cả nhiệm vụ này
Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương có hành vi vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, chưa đến mức xử lý kỷ luật.		15 điểm/01 trường hợp
Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức khiển trách		20 điểm/01 trường hợp
Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức cảnh cáo		25 điểm/01 trường hợp
Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức hạ bậc lương		30 điểm/01 trường hợp
Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức giảm chức		35 điểm/01 trường hợp
Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức cách chức		40 điểm/01 trường hợp
Giám đốc, Phó Giám đốc Sở và tương đương bị kỷ luật ở mức buộc thôi việc		50 điểm/01 trường hợp
Có cấp trường, cấp phó đơn vị trực thuộc bị kỷ luật		20 điểm/01 trường hợp
Không thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc thẩm quyền quản lý		30 điểm
Không thực hiện đúng các quy định của Trung ương, của tỉnh về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy		20 điểm
Không thực hiện đạt chỉ tiêu tình gian biên chế được giao		20 điểm
Không thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ		10 điểm
Không tổ chức tiếp dân theo đúng quy định		10 điểm
Không giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với đơn thư khiếu nại, tố cáo		10 điểm
Có đơn thư khiếu nại, tố cáo (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư phản ánh		10 điểm/01 đơn thư
Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định và kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.		10 điểm

<p><b>4. Kết quả cải cách hành chính của cơ quan, đơn vị.</b>  Đầy mạnh cải cách hành chính, phấn đấu nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.</p>	<p>200</p>	<p>Căn cứ kết quả xác định chỉ số CCHC hàng năm để tính điểm hệ số 2 cho nhiệm vụ này (Ví dụ: Chỉ số CCHC năm 2015 của Sở A là 85%, thì điểm của nhiệm vụ này là 170 điểm)</p>		
<p><b>5. Các tiêu chí tính điểm cộng</b></p>		<p>Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao; giải quyết hoặc tham mưu giải quyết, hoàn thành tốt các công việc trọng điểm, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.</p>	<p>Từ 10 đến 40 điểm/01 nhiệm vụ (do Tổ công tác thẩm định và đề xuất)</p>	
		<p>Có sáng kiến hoặc đề tài, dự án KHCN đã được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoặc Hội đồng khoa học cấp tỉnh trở lên công nhận, nghiệm thu (chỉ cộng điểm đối với cơ quan, đơn vị được giao chủ trì thực hiện sáng kiến đề tài, dự án).</p>	<p>10 điểm/01 sáng kiến, đề tài, dự án</p>	
		<p>Cơ quan, đơn vị có mô hình, điển hình tiên tiến được UBND tỉnh công nhận để nhân rộng</p>	<p>10 điểm/01 mô hình, điển hình</p>	

## PHỤ LỤC

Cách tính điểm các tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm đối với Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

Nhiệm vụ	Điểm hoàn thành	Tiêu chí, căn cứ tính điểm	Điểm cộng	Điểm trừ
<p><b>1. Nhiệm vụ trọng tâm (gồm 02 nhiệm vụ, nhiệm vụ thứ nhất hoàn thành tính 300 điểm; nhiệm vụ thứ hai hoàn thành tính 100 điểm)</b></p>	400	<p><b>1. Những chỉ tiêu định lượng</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành vượt kế hoạch</li> <li>- Hoàn thành từ 98% đến dưới 100% kế hoạch</li> <li>- Hoàn thành từ 95% đến dưới 98% kế hoạch</li> <li>- Hoàn thành từ 70% đến dưới 95% kế hoạch</li> <li>- Hoàn thành từ 50% đến dưới 70% kế hoạch</li> <li>- Hoàn thành dưới 50% kế hoạch</li> </ul> <p><b>2. Những chỉ tiêu định tính</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hoàn thành trước thời hạn</li> <li>- Hoàn thành trong năm nhưng không đúng thời hạn</li> <li>- Không hoàn thành trong năm</li> </ul>	<p>02 điểm/01% vượt kế hoạch (không quá điểm hoàn thành của 01 chỉ tiêu)</p>	
			10% số điểm	
			20% số điểm	
			40% số điểm	
			80% số điểm	
			Không chấm điểm	
			50% số điểm	
			Không chấm điểm	

II. Nhiệm vụ chung	400		
<p><b>1. Kết quả chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trên địa bàn.</b></p> <p>Chấp hành nghiêm chỉnh, kịp thời và sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao; thực hiện tốt quy chế phối hợp; không né tránh, đùn đẩy trách nhiệm; không bị Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản. Thường xuyên kiểm tra, xử lý nghiêm và dứt điểm đối với các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm; kịp thời xử lý, khoanh vùng điểm dịch bệnh không để lây lan.</p>	<p>400</p> <p>100</p>	<p>Kết quả giải quyết các công việc giao trong năm đánh giá (ngoài 02 nhiệm vụ trọng tâm đã được phê duyệt; theo Báo cáo của Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh):</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không hoàn thành trong năm</li> <li>- Hoàn thành trong năm nhưng quá thời hạn</li> <li>+ Tổng số được giao dưới 100 nhiệm vụ</li> <li>+ Tổng số được giao từ 100 đến dưới 380 nhiệm vụ</li> <li>+ Tổng số được giao từ 380 nhiệm vụ trở lên</li> <li>+ Đối với những nhiệm vụ do thời hạn giao quá gấp hoặc do nguyên nhân khách quan không thể hoàn thành đúng thời hạn; nếu cơ quan, đơn vị đã có văn bản giải trình và được Tổ công tác của Chủ tịch UBND tỉnh xác nhận thì không trừ điểm</li> <li>Không chủ động giải quyết dứt điểm hoặc tham mưu giải quyết dứt điểm các vụ việc thuộc phạm vi quản lý nhà nước của ngành, lĩnh vực được giao, để xảy ra hậu quả, gây dư luận xấu, bức xúc trong xã hội</li> <li>Từ chối phối hợp hoặc không có ý kiến phúc đáp các cơ quan, đơn vị có đề nghị phối hợp đúng với các quy định của pháp</li> <li>Có ý kiến phúc đáp nhưng quá thời hạn, làm ảnh hưởng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả thực hiện nhiệm vụ được giao của cơ quan, đơn vị đề nghị phối hợp</li> <li>Chấp hành chế độ thông tin báo cáo với Ủy ban nhân dân tỉnh không đúng quy định</li> <li>Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê bình bằng văn bản</li> <li>Ban hành văn bản trái quy định, bị đình chỉ, bãi bỏ bằng quyết định của cấp có thẩm quyền</li> <li>Không kiểm tra, xử lý nghiêm và dứt điểm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường, mất vệ sinh an toàn thực phẩm</li> <li>Không kiểm soát, xử lý, khoanh vùng để dịch bệnh bùng phát, lây lan trên địa bàn</li> </ul>	<p>20 điểm/01 nhiệm vụ</p> <p>20 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn</p> <p>Thêm 20 nhiệm vụ thì giảm 01 điểm trừ/01% nhiệm vụ quá hạn</p> <p>05 điểm/01% nhiệm vụ quá hạn</p> <p>30 điểm/01 vụ việc</p> <p>10 điểm/01 lần</p> <p>05 điểm/01 lần</p> <p>Chậm thời hạn: 05 điểm/01 báo cáo; Không có báo cáo: 10 điểm/01 báo cáo.</p> <p>15 điểm/01 lần</p> <p>20 điểm/01 văn bản</p> <p>15 điểm/01 vụ việc</p> <p>15 điểm/01 vụ việc</p>



**2. Thực hiện các quy định của đảng, nhà nước về xây dựng cơ quan, đơn vị; các quy định về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo.**

Tập thể lãnh đạo, cơ quan đoàn kết, dân chủ; giữ gìn kỷ luật, kỷ cương hành chính. Ban hành và thực hiện có hiệu quả các Quy chế, Quy định trong hoạt động của cơ quan; Chương trình, Kế hoạch công tác năm, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, phòng chống tham nhũng. Thực hiện đúng các quy định về công tác cán bộ thuộc quyền quản lý; cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị giữ gìn đoàn kết nội bộ, không vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, không bị cơ quan có thẩm quyền Quyết định kỷ luật. Thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ.

Tổ chức tiếp công dân đúng quy định; giải quyết hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm các đơn, thư khiếu nại, tố cáo và thực hiện các kết luận, quyết định về giải quyết khiếu nại, tố cáo đã có hiệu lực pháp luật; chấp hành đầy đủ các quyết định, kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền. Không để tình trạng đơn thư kéo dài, vượt cấp, khiếu kiện đông người.

100

Chưa ban hành đầy đủ Chương trình, kế hoạch công tác năm, Quy chế làm việc, Quy chế dân chủ, Quy chế chi tiêu nội bộ và quản lý tài sản công; Chương trình, Kế hoạch phòng chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10 điểm/01 văn bản
Tập thể lãnh đạo mất đoàn kết, không thực hiện Quy chế dân chủ	Không chấm điểm cả nhiệm vụ này
Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện có hành vi vi phạm các quy định của đảng, nhà nước, chưa đến mức xử lý kỷ luật.	15 điểm/01 trường hợp
Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện bị kỷ luật ở mức khiển trách.	20 điểm/01 trường hợp
Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện bị kỷ luật ở mức cảnh cáo.	30 điểm/01 trường hợp
Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND cấp huyện bị kỷ luật ở mức cách chức, bãi nhiệm.	40 điểm/01 trường hợp
Có cấp trưởng, cấp phó đơn vị trực thuộc bị xử lý kỷ luật	20 điểm/01 trường hợp
Không thực hiện đúng quy định về công tác quản lý, quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng, đề bạt, bổ nhiệm các chức danh Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc thẩm quyền quản lý	30 điểm
Không thực hiện đúng các quy định của Trung ương, của tỉnh về kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy	20 điểm
Không thực hiện đạt chỉ tiêu tình gián biên chế được giao	20 điểm
Không thực hiện đúng các quy định về văn thư, lưu trữ	10 điểm
Không tổ chức tiếp dân theo đúng quy định	10 điểm
Không giải quyết kịp thời, dứt điểm, đúng pháp luật theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết đối với đơn thư khiếu nại, tố cáo	10 điểm
Có đơn thư kéo dài, vượt cấp, gây bức xúc cho tổ chức và công dân hoặc để xảy ra khiếu kiện đông người	10 điểm/vụ việc
Có đơn thư khiếu nại, tố cáo (trừ đơn, thư nặc danh) được cấp có thẩm quyền giải quyết mà kết quả giải quyết đúng như nội dung đơn thư phản ánh	10 điểm/01 đơn thư
Không chấp hành hoặc chấp hành không đầy đủ các quyết định và kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan có thẩm quyền.	10 điểm

<p><b>3. Kết quả cải cách hành chính của đơn vị.</b>  Đẩy mạnh cải cách hành chính, phấn đấu nâng cao chỉ số cải cách hành chính trên các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số cải cách hành chính của tỉnh.</p>	<p>200</p>	<p>Căn cứ kết quả xác định chỉ số CCHC hàng năm để tính điểm hệ số 2 cho nhiệm vụ này (Ví dụ: Chỉ số CCHC năm 2015 của huyện A là 88%, thì điểm của nhiệm vụ này là 176 điểm)</p>	
<p><b>4. Các tiêu chí tính điểm cộng</b></p>		<p>Có thành tích xuất sắc, nổi bật trong chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tích cực, chủ động giải quyết hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền giải quyết, hoàn thành tốt các công việc trọng điểm, có vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của tỉnh.</p>	<p>Từ 10 đến 40 điểm/01 nhiệm vụ (do Tổ công tác thẩm định và đề xuất)</p>
		<p>Có sáng kiến hoặc đề tài, dự án KHCHN đã được Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh hoặc Hội đồng khoa học cấp tỉnh trở lên công nhận, nghiệm thu (chỉ cộng điểm đối với đơn vị được giao chủ trì thực hiện sáng kiến đề tài, dự án).</p>	<p>10 điểm/01 sáng kiến, đề tài, dự án</p>
		<p>Địa phương có mô hình, điển hình tiên tiến được UBND tỉnh công nhận để nhân rộng</p>	<p>10 điểm/01 mô hình, điển hình</p>